TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN L** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 43/2017/HNGĐ – ST
Ngày: 30 - 6 - 2017
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN L, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hải

2. Bà Phạm Thị Thanh Hiên

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Ngô Thị Thùy Linh– Thư ký Toà án nhân dân quận Lê Chân

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L tham gia phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Thu Nga – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận L, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1962; đăng ký thường trú: Phường D, quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Hiệp H, sinh năm 1965; đăng ký thường trú: Phường , quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của bà Vũ Thị T, ông Lê Hiệp H trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của ông Lê Hiệp H tại phiên tòa thể hiện các nội dung thống nhất như sau:

Bà Vũ Thị T và ông Lê Hiệp H chung sống cùng nhau trên cơ sở tự nguyện, được gia đình hai bên đồng ý và tổ chức đám cưới năm 1989. Nhưng đến ngày 23 tháng 4 năm 1996 mới thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, thành phố Hải Phòng. Sau một thời gian ngắn vợ chồng chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai người không hợp nhau, bất

đồng quan điểm sống, cách sống nên thường xuyên mâu thuẫn, xô xát. Gia đình và chính quyền địa phương đã biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Do hai bên mâu thuẫn sâu sắc nên từ năm 2007 đã không chung sống cùng nhau, mỗi người một nơi và không còn quan tâm gì đến nhau. Để ổn định cuộc sống riêng của mỗi người nên bà Vũ Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn ông Lê Hiệp H. Ông H đồng ý ly hôn vì thực tế ông và bà T đã không còn chung sống cùng nhau từ nhiều năm nay.

Về con chung:

Bà T và ông H có một con chung là Lê Hiệp D, sinh ngày 05/5/1990. Con chung đã trưởng thành, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông H và bà T cùng đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình đều thống nhất thể hiện: Bà Vũ Thị T và ông Lê Hiệp H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, quận L, Hải Phòng. Hiện hai người đều có đăng ký thường trú tại địa chỉ phường D, quận L, thành phố Hải Phòng. Do mâu thuẫn nên bà T đã không chung sống cùng ông H tại địa chỉ trên từ năm 2007 đến nay. Hiện bà T có yêu cầu ly hôn ông Hưng, đề nghị Tòa án giải quyết cho hai người ly hôn. Ông H và bà T có 01 con chung là Lê Hiệp D sinh năm 1990, đã trưởng thành. Không có ý kiến về tài sản chung.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn cũng đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hai người đã sống ly thân từ năm 2007 và không còn quan tâm đến nhau từ nhiều năm nay nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; con chung đã trưởng thành nên không có ý kiến; các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bà T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn có mặt, nguyên đơn là bà Vũ Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử

căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn bà Vũ Thị T có yêu cầu cụ thể như sau: Yêu cầu Tòa án giải quyết bà ly hôn ông Lê Hiệp H. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Vũ Thị T và ông Lê Hiệp H chung sống cùng nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện V, thành phố Hải Phòng ngày 23 tháng 4 năm 1996. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Thị T và ông Lê Hiệp H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình đều thống nhất thể hiện: Trong thời gian chung sống, bà T và ông H có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cách sống nên vợ chồng thường xuyên căng thẳng, xung đột nên dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, các bên đều vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng. Từ năm 2007 đến nay, ông H và bà T đã sống ly thân và không quan tâm đến nhau về mọi mặt. Vì vậy, xét mâu thuẫn của hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vũ Thị T đối với ông Lê Hiệp H.

[4] Về con chung: Bà T và ông H có 01 con chung là Lê Hiệp D sinh ngày 05/5/1990. Con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[4] Về án phí: Bà Tý phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Bà Vũ Thị T ly hôn ông Lê Hiệp H.

Về án phí:

Bà T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Bà T đã nộp đủ số tiền trên tại Chi cục thi hành án dân sự quận L, thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền số 0014698 ngày 21 tháng 3 năm 2017.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

- *Về quyền yêu cầu thi hành án:* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận L;
- UBND xã N, huyện V, Hải Phòng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thanh Bình